

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 505/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ sở 2 xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5504/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh ngày 24/9/1991; số căn cước công dân: 034091013809 cấp ngày 26/12/2022; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn K, xã D, tỉnh Hưng Yên); địa chỉ tạm trú (sau ngày 01/7/2025): Số C đường N, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh ngày 22/9/1997; số chứng minh nhân dân: 197000138 cấp ngày 13/7/2016; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị). Nơi ở hiện tại: Phòng 103 H, 4 M, Kawagoe-shi, S, Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2025 của nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:

Ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị K tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 200/KH/2016, ngày 18/11/2016). Sau khi kết hôn, cả hai sống chung, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ

trong cuộc sống. Đến năm 2022, bà K đi sang Nhật Bản lao động còn ông T sống cùng con chung tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý và có mâu thuẫn từ trước nên cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T nộp đơn ly hôn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

- Về con chung: có 01 con chung tên Dương Văn Minh K1, sinh ngày: 13/11/2018; giới tính: nam. Ông Dương Văn T yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho bà K các văn bản như: Đơn khởi kiện ngày 31/3/2025; bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của nguyên đơn cùng ngày 05/8/2025; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 200/KH/2016, ngày 18/11/2016 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp; Thông báo thụ lý vụ án số 21/TB-TLVA ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và Công văn số 668/TATP-TGD&NCTN ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà K nhận được các văn bản nêu trên theo mã vận đơn Waybill ET053686872VN vào lúc 18 giờ 18 phút, ngày 31/7/2025 nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa nguyên đơn ông Dương Văn T và bị đơn bà K là hợp pháp. Từ năm 2022, vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà K đi sang Nhật Bản lao động, còn ông T sống cùng con chung tại Việt Nam, cả hai bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Xét thấy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T là có căn cứ. Về con chung sống với ông T từ năm 2022, bà K không thăm nom, chăm sóc con chung, đồng thời cháu K1 có văn bản trình bày ý kiến cha chăm sóc cháu rất tốt và cháu có nguyện vọng ở với

cha khi cha, mẹ ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Dương Văn T khởi kiện bà Nguyễn Thị K về việc ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn”. Ông T có địa chỉ tạm trú tại số C đường N, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đang cư trú tại địa chỉ: P H, 4 M, Kawagoe-shi, S, Nhật Bản. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: ông T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt và đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bà K theo quy định các văn bản như: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho bà K các văn bản như: Đơn khởi kiện ngày 31/3/2025; bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của nguyên đơn cùng ngày 05/8/2025; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 200/KH/2016, ngày 18/11/2016 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp; Thông báo thụ lý vụ án số 21/TB-TLVA ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và Công văn số 668/TATP-TGD&NCTN ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa (lần thứ nhất, lần thứ hai), bà K đã nhận được các văn bản nêu trên nhưng không gửi văn bản cho Tòa án và vắng mặt tại các phiên tòa như đã thông báo. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: nguyên đơn ông Dương Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị K là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông T và bà K là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai sống chung hạnh phúc được một khoảng thời gian đến năm 2022 bà K **đi** sang Nhật Bản **lao** động, còn ông T sống cùng con chung tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý và có mâu thuẫn từ trước nên cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Xét thấy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà K theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Từ tháng 4/2022, bà K hoàn tất thủ tục sang N để lao động thì ông T là người chăm sóc cháu Dương Văn Minh K1 phát triển lành mạnh và được học hành, bà K không về Việt Nam thăm con cũng không chu cấp cho con; nguyên đơn cũng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Ngoài ra, cháu K1 có văn bản trình bày ý kiến cha chăm sóc cháu rất tốt và cháu có nguyện vọng ở với cha khi cha, mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu K1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà K phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí ủy thác tư pháp và tổng đạt văn bản ra nước ngoài: ông Dương Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 153, 227, 228, 238, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 474, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với bà Nguyễn Thị K về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.
- Về con chung: Giao cháu Dương Văn Minh K1, sinh ngày 13/11/2018; giới tính: nam cho ông Dương Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Văn T về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Dương Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003720, ngày 11/6/2025 của

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về chi phí dịch thuật, gửi bưu chính và tổng đạt văn bản ra nước ngoài: ông Dương Văn T tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

Ông Dương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
 - THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
 - UBND phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN 62.
- (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Nhật Thanh